TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 27/12/2017
V/v không công nhận là vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T- TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đình Tài;
Các hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quốc Dũng và Ông Vũ Văn Miêu;
- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Chí Dũng- Thư ký Tòa án.

Ngày 27 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số: 08/2017/TLST-HNGĐ ngày 11/12/2017 về việc "Không công nhận vợ chồng và nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2017/QĐXX-ST ngày 19/12/2017 giữa các đương sự:

***** *Nguyên đơn:* Chị Y T, sinh năm 1992 (có mặt).
Trú tại: Làng K, xã S, huyện S, tỉnh Kon Tum.

***** *Bị đơn:* Anh A T, sinh năm 1996 (có mặt).
Trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/12/2017 của nguyên đơn,Bản tự khai tại Tòa án và tại phiên tòa chị Y T trình bày: Tôi và anh A T yêu nhau, về chung sống với nhau từ đầu năm 2013 đến năm 2016 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, tính tình không hợp, anh A T thường xuyên công tác xa nhà không quan tâm đến vợ con, giữa tôi và anh A T quan điểm sống không hợp nhau nên thường xảy ra mâu thuẫn. Đến nay tôi không còn tình cảm yêu thương anh A T nữa. Vì vậy tôi đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận tôi và anh A T là vợ chồng.

- *Về con chung*: Trong thời gian chung sống, tôi và anh A T sinh được hai người con chung tên Y Minh Tâm, sinh ngày 16/9/2013 và A Minh Tùng, sinh ngày 06/11/2015. Khi Tòa án giải quyết, tôi có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và thỏa thuận anh A T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cả hai con chung hàng tháng 2.500.000 đồng kể từ tháng 12/2017 đến khi các cháu trưởng thành và có khả năng lao động tự lập được.

Ngoài ra, chúng tôi còn thỏa thuận anh A T trả cho tôi khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Y Minh T và A Minh T từ lúc các con sinh ra cho đến tháng 11/2017 với số tiền cấp dưỡng là 14.000.000 đồng, được trả làm hai lần:

+ Lần thứ nhất trả 7.000.000đ vào ngày 15/01/2018;

+ Lần thứ hai trả 7.000.000đ vào ngày 15/02/2018.

- *Tài sản chung:* Quá trình chung sống, tôi và anh A T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo bản tự khai của bị đơn và tại phiên tòa anh A T trình bày:* Tôi công nhận lời trình bày của cô Y T là đúng. Trong quá trình chung sống chúng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn, tính tình không hợp, hiện không còn tình cảm yêu thương nhau nữa nên Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa tôi và cô Y T.

- *Về con chung:* Tôi và cô Y T có 02 con chung. Hiện hai cháu Y Minh Tâm và A Minh Tùng đang ở với cô Y T. Tôi đồng ý để các con chung cho cô Y T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và tôi tự nguyện cấp dưỡng nuôi cả hai cháu mỗi tháng 2.500.000đ kể từ tháng 12/2017 cho đến khi các con chung trưởng thành, có khả năng lao động và tự lập được.

Ngoài ra, tôi đồng ý cấp dưỡng cho các con chung từ khi sinh ra cho đến tháng 11/2017 là 14.000.000đ. Được trả làm hai lần, mỗi lần 7.000.000đ vào ngày 15/01/2018 và ngày 15/02/2018.

- *Tài sản chung:* Quá trình chung sống, tôi và cô Y T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* *Về tố tụng dân sự:* Nguyên đơn chị Y T làm đơn khởi kiện bị đơn là anh A T, hiện có hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay tại thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Kon Tum, yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án hôn nhân gia đình giữa chị Y T và anh A T. Theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kon Tum.

* *Về thủ tục tố tụng:* Căn cứ khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

** Về các yêu cầu của đương sự:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Giữa nguyên đơn chị Y T và bị đơn anh A T thừa nhận hai bên tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2013, nhưng hai người không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống, các bên thường xuyên mâu thuẫn, tính tình không hợp, hai bên không ai còn tình cảm yêu thương và có trách nhiệm với nhau, cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc. Do các đương sự không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên căn cứ theo khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm

2014 thì quan hệ giữa chị Y T và anh A T không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Vì vậy, chị Y T đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh A T là hoàn toàn chính đáng cần được chấp nhận.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống như vợ chồng, chị Y T và anh A T có với nhau được hai con chung: Y Minh T, sinh ngày 16/9/2013 và A Minh T, sinh ngày 06/11/2015. Hiện các con đang ở với chị Y T và chị cũng có nguyện vọng được nuôi các con. Các đương sự thống nhất giao con cho chị Y T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh A T cấp dưỡng nuôi cả hai con chung là 2.500.000đ/ tháng kể từ tháng 12/2017 cho đến khi các con trưởng thành, có khả năng lao động và tự lập được.

Ngoài ra, các đương sự còn thỏa thuận anh A T cấp dưỡng cho hai con Y Minh T và A Minh T từ khi các con sinh ra đến tháng 11/2017 với số tiền cấp dưỡng là 14.000.000đ. Lần thứ nhất trả 7.000.000đ vào ngày 15/01/2018 và lần thứ hai trả 7.000.000đ vào ngày 15/02/2018. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần được ghi nhận.

- *Về tài sản chung:* Các đương sự xác nhận không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

***** *Về án phí:* Chị Y T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và anh A T chịu án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 21, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357 của Bộ luật Dân sự; Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 về hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Y T và anh A T.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, giao cả hai con chung là cháu Y Minh T, sinh ngày 16/9/2013 và cháu A Minh T, sinh ngày 06/11/2015 cho chị Y T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh A T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cả hai con mỗi tháng 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm ngàn đồng), kể từ tháng 12/2017 cho đến khi các con chung trưởng thành, có khả năng lao động và tự lập được. Anh A T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên đương sự được quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con và mức tiền đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, anh A T cấp dưỡng cho hai con Y Minh T và A Minh T từ khi các con được sinh ra cho đến tháng 11/2017 với số tiền cấp dưỡng là 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng). Khoản tiền này được chia làm hai lần: Lần thứ nhất cấp dưỡng 7.000.000đ vào ngày 15/01/2018 và lần thứ hai cấp dưỡng 7.000.000đ vào ngày 15/02/2018.

Áp dụng điều 357 của Bộ luật dân sự, đến thời hạn thỏa thuận trả tiền cấp dưỡng và chị Y T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh A T không trả đủ khoản tiền trên, thì hàng tháng anh A T còn phải trả tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS nếu không có thỏa thuận thì được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

3. Về tài sản chung: Không đề nghị giải quyết.

4. *Về án phí*: Áp dụng Điều 144; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chị Y T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Y T đã nộp là 300.000đ theo biên lai số AA/2010/0004282, ngày 11/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Kon Tum (Như vậy Chị Y T đã nộp đủ).

Anh A T phải chịu án phí cấp dưỡng của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo định kỳ là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

5. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/12/2017).

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh KonTum;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Nguyên đơn; Bị đơn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Ngô Đình Tài

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

Đặng Quốc Dũng

Vũ Văn Miêu

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Đình Tài

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh KonTum;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Nguyên đơn; Bị đơn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa